

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa.

Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Trần Thị Bích Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 341/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thế Đức G, sinh năm 1970; đăng ký thường trú: Thôn T, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi đang sinh sống: Thôn Vệt Khê, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1973; đăng ký thường trú: Thôn T, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi đang sinh sống: Khu tập thể Xăng Dầu, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Thế Đức G khởi kiện với nội dung ông và bà Đoàn Thị H quen biết, phát sinh tình cảm và đi đến hôn nhân tự nguyện. Ông và bà H đã đăng ký kết hôn ngày 14/4/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau lễ cưới theo phong tục, ông và bà H chung sống tại Thôn T, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con. Bà H thường xuyên vay tiền của người khác nhưng ông không đồng ý. Từ vấn đề làm ăn của bà H dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế dẫn đến nợ nần nhiều, thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè

khuyên giải nhưng không thành. Từ tháng 4 năm 2013, bà H đã bỏ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại Khu tập thể xăng dầu K131, xã Q, huyện T, vợ chồng ông sống ly thân từ thời gian đó. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho ly hôn với bà Đoàn Thị H. Giữa ông và bà H có 01 con chung là Thế Đức D sinh ngày 03/11/1997. Con của ông và bà H đã trưởng thành và tự lo được cuộc sống. Ông không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung với bà H.

Bà Đoàn Thị H là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt tại Tòa án và không có ý kiến về việc ông G đề nghị ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến quy định tại điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

Bà Đoàn Thị H là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Bà H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện ly hôn của ông Thế Đức G đối với bà Đoàn Thị H

Ông G và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, kết hôn giữa ông G và bà H là hợp pháp. Do đối nghịch tình cảm vợ chồng không thể hòa giải được nên Ông G xin ly hôn. Bà H không đến Tòa án và cũng không có ý kiến về việc ông G khởi kiện ly hôn, qua đó thể hiện bà H không quan tâm đến tình cảm vợ chồng và cũng không muốn sự đoàn tụ gia đình. Điều này chứng minh mâu thuẫn giữa ông G và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông G đối với bà H.

[3] Về người trực tiếp nuôi con chung

Con chung của ông Thế Đức G và bà Đoàn Thị H là Thế Đức D sinh ngày 03/11/1997. Con của ông G và bà H đã trưởng thành và tự lo được cuộc sống nên Tòa án không giải quyết việc giao con chung cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

[4] Về chia tài sản chung

Ông Thế Đức G không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, bà Đoàn Thị H không có ý kiến về nội dung này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí

Ông Thế Đức G là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình,
Cho ông Thế Đức G ly hôn bà Đoàn Thị H.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Ông Thế Đức G phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0000919 ngày 25/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), ông Thế Đức G đã nộp đủ án phí.

- Ông Thế Đức G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Đoàn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Q, huyện T (để ghi vào sổ hộ tịch: Ngày 14/4/1997);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Phương